TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HS-ST
Ngày 23–11–2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa, bà Cù Thị Lan, ông Võ Quang Tuyên

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Thanh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2023/TLST-HS ngày 06/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Nguyễn Tường V;** sinh năm 1981 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: Số E đường B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thiện T và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Huỳnh Như H1 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/5/2023 – có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đặng Phương L, Luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Đ – có mặt.

Bị hại:

1. Bà Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

3. Bà Vũ Thị H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Buôn N, xã T, huyện C, tỉnh Đắk

Nông – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Hoàng L2, sinh năm 1965; trú tại: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1963; trú tại: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Huỳnh Như H1, sinh năm 1989; trú tại: Số E đường B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nguyễn Tường V có hộ khẩu thường trú tại số E đường B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Năm 2013 V chuyển đến sinh sống, lấy chồng là Huỳnh Như H1 và làm nghề buôn bán trái cây tại chợ xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2017, V bắt đầu vay tiền của người này cho người khác vay lại, đáo hạn ngân hàng để hưởng tiền lời chênh lệch. Thời gian đầu, V vay số tiền ít từ vài triệu đến vài chục triệu đồng, trả tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn nên người cho vay tin tưởng. Quá trình làm ăn đến khoảng cuối năm 2019 thì V bị mất khả năng trả nợ, tuy nhiên V không dừng lại để khắc phục hậu quả mà vẫn tiếp tục nói dối mục đích vay là đáo hạn ngân hàng để vay tiền của nhiều người. Sau khi vay được tiền, V sử dụng để trả nợ cá nhân, trả tiền gốc và lãi suất nhằm kéo dài thời gian bị phát hiện. Khoảng đầu năm 2020, V không còn vay được tiền để trả nợ và bị người cho vay đến nhà đòi nợ nên V rời khỏi địa phương về sống tại số E đường B, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Quá trình điều tra xác định Trần Nguyễn Tường V vay và chiếm đoạt tiền của những người sau:

- Vay và chiếm đoạt của bà Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 100.000.000 đồng.

- Vay và chiếm đoạt của bà Lê Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 350.000.000 đồng.

- Vay và chiếm đoạt của bà Vũ Thị H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Buôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông số tiền 1.150.000.000 đồng.

Tổng số tiền V chiếm đoạt là: **1.600.000.000 đồng.**

** Kết quả trưng cầu giám định:*

- Tại bản kết luận giám định số 1021 ngày 26/11/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký dưới mục bên vay (bên B) trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A28, chữ ký dưới mục "người mượn" trên mẫu cần giám định ký hiệu A29 so với chữ ký mang tên Trần Nguyễn Tường V trên mẫu cần so sánh ký hiệu M1 do cùng một người ký ra. Chữ viết họ tên Trần Nguyễn Tường V trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A4, chữ viết tên V trên mẫu cần giám định ký hiệu từ

A5 đến A29 so với chữ viết họ tên Trần Nguyễn Tường V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.

- Tại bản kết luận giám định số 172 ngày 11/02/2022 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Nguyễn Tường V trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A20 và mang tên V trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A21 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Nguyễn Tường V trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 đến M3 do cùng một người ký, viết ra.

- Tại bản kết luận giám định số 1027 ngày 30/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Như H1 trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A9 và mục "BÊN VAY (BÊN B)" trên tài liệu cần giám định A10 so với chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Như H1 trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra.

** Vật chứng thu giữ:*

- Ngày 21/6/2021, bà Phạm Thị Ngọc L1 giao nộp: 02 hợp đồng vay tiền đề ngày 15/11/2019 và ngày 19/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1 và Trần Nguyễn Tường V; 01 văn bản xác nhận, thỏa thuận và cam kết đề ngày 29/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1, Lê Song P, Nguyễn Thị Kim C, Huỳnh Như H1.

- Ngày 24/6/2021, bà Lê Thị H2 giao nộp 01 mẫu giấy kẻ ô có nội dung thể hiện việc vay mượn tiền.

- Ngày 25/01/2022, bà Vũ Thị H3 giao nộp 10 giấy vay tiền (09 bản chính, 01 bản viết giấy than); 03 giấy mượn tiền; 09 giấy mượn tiền (loại giấy kẻ ngang).

** Kết quả xác minh về tài sản:*

- Tại Công văn số 625/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 13/9/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ; Công văn số 3795/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 14/9/2021 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K xác định: Từ năm 2019 đến năm 2021 Trần Nguyễn Tường V và Huỳnh Như H1 không đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Tại Công văn số 867/PC08-Đ3 ngày 05/5/2022 của Phòng C1 Công an tỉnh Đ xác định: Từ năm 2019 đến tháng 5/2022 Trần Nguyễn Tường V và Huỳnh Như H1 không đăng ký quyền sở hữu tài sản đối với phương tiện là xe ôtô, xe môtô.

- Tại Công văn số 597/NHNo.NT ngày 26/8/2021 xác định: Tài khoản số 4701205182043 của Trần Nguyễn Tường V có số dư là 0 đồng.

*** Về trách nhiệm dân sự của vụ án:** Bà Phạm Thị Ngọc L1, bà Lê Thị H2, bà Vũ Thị H3 yêu cầu bị cáo Trần Nguyễn Tường V phải bồi thường thiệt hại số tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 144/CT-VKS-P2 ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Nguyễn Tường V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Diễn biến tại phiên tòa:

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Tường V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Tường V mức án từ 15 đến 16 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 hợp đồng vay tiền đề ngày 15/11/2019 và ngày 19/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1 và Trần Nguyễn Tường V; 01 văn bản xác nhận, thỏa thuận và cam kết đề ngày 29/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1, Lê Song P, Nguyễn Thị Kim C, Huỳnh Như H1 do bà Phạm Thị Ngọc L1 giao nộp ngày 21/6/2021; 01 mẫu giấy kẻ ô có nội dung thể hiện việc vay mượn tiền do bà Lê Thị H2 giao nộp ngày 24/6/2021; 10 giấy vay tiền (09 bản chính, 01 bản viết giấy than); 03 giấy mượn tiền; 09 giấy mượn tiền (loại giấy kẻ ngang) do bà Vũ Thị H3 giao nộp ngày 25/01/2022.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bảo chữa cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ ly hôn từ khi bị cáo còn nhỏ; việc bị cáo bị mất khả năng trả nợ là do những người vay của bị cáo không trả nợ cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức án mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng.

- Bị cáo Trần Nguyễn Tường V khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã khai nhận tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, phù hợp với nội dung truy tố tại bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị hại Phạm Thị Ngọc L1, Lê Thị H2, Vũ Thị H3 giữ nguyên yêu cầu bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo quy định pháp luật. Bị cáo Trần Nguyễn Tường V đồng ý với mức yêu cầu bồi thường thiệt hại của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng.Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Nguyễn Tường V tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền tài sản của người khác, nên trong thời gian từ ngày 01/11/2019 đến ngày 19/02/2020, mặc dù bản thân không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị để đảm bảo trả nợ cho các khoản vay nhưng Trần Nguyễn Tường V vẫn đưa ra thông tin gian dối vay tiền làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng để vay tiền của các bị hại Phạm Thị Ngọc L1, Lê Thị H2, Vũ Thị H3 rồi chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân với tổng số tiền 1.600.000.000 đồng, sau đó rời khỏi địa phương nơi đang cư trú.

Hành vi của bị cáo Trần Nguyễn Tường V đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] **Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] **Các biện pháp tư pháp:**

[4.1] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu bồi thường của các bị hại là chính đáng. Do đó cần căn cứ Điều 584, Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Buộc bị cáo Trần Nguyễn Tường V1 phải bồi thường cho bị các bị hại cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho bà Phạm Thị Ngọc L1 số tiền 100.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho bà Lê Thị H2 số tiền 350.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho bà Vũ Thị H3 số tiền 1.150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4.2] Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 hợp đồng vay tiền đề ngày 15/11/2019 và ngày 19/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1 và Trần Nguyễn Tường V; 01 văn bản xác nhận, thỏa thuận và cam kết đề ngày 29/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1, Lê Song P, Nguyễn Thị Kim C, Huỳnh Như H1 do bà Phạm Thị Ngọc L1 giao nộp ngày 21/6/2021; 01 mẫu giấy kẻ ô có nội dung thể hiện việc vay mượn tiền do bà Lê Thị H2 giao nộp ngày 24/6/2021; 10 giấy vay tiền (09 bản chính, 01 bản viết giấy than); 03 giấy mượn tiền; 09 giấy mượn tiền (loại giấy kẻ ngang) do bà Vũ Thị H3 giao nộp ngày 25/01/2022.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Nguyễn Tường V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quá trình điều tra còn xác định, bị cáo Trần Nguyễn Tường V có vay và nợ tiền của một số người khác như:

+ Từ cuối năm 2018 đến khoảng giữa năm 2019, V vay của ông Vũ Hoàng L2, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền là 2.735.000.000 đồng, sau đó V đã trả một phần tiền gốc và lãi cho ông L2 rồi viết lại giấy biên nhận mới, sau đó không vay thêm của ông L2 khoản tiền nào khác. Hiện nay, V còn nợ ông L2 số tiền 2.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định số tiền này V vay của ông L2 trước thời điểm V mất khả năng thanh toán, xác định đây là các giao dịch dân sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý.

+ Bà Phạm Thị Hồng B1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tố cáo V vay và còn nợ của bà B1 số tiền 190.000.000 đồng. Ngày 09/8/2021 bà B1 có đơn xin rút tố cáo đối với vợ chồng V, H1 với lý do để hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

+ Đối với các khoản vay giữa bị cáo Trần Nguyễn Tường V và bà Vũ Thị H3 từ ngày 30/10/2019 trở về trước với số tiền còn nợ 842.000.000 đồng là giao dịch dân sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Trong quá trình điều tra bị cáo Trần Nguyễn Tường V khai những người cho V vay tiền đều tính lãi suất cao Tuy nhiên, V không cung cấp được giấy tờ, tài liệu nào thể hiện về việc trả lãi suất. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra không thu thập được giấy tờ, tài liệu nào chứng minh những người cho V vay với lãi suất cao như V trình bày nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Đối với Huỳnh Như H1 là chồng của bị cáo Trần Nguyễn Tường V: Từ năm 2018 đến năm 2020 H1 làm nghề lái xe, việc làm ăn, vay mượng tiền, trao đổi thỏa thuận giữa V với những người cho vay như thế nào ông H1 không biết, khi người cho vay yêu cầu phải có H1 ký tên vào giấy vay thì V mang giấy vay về nhà nói H1 ký giúp để vay tiền làm ăn, vì tin tưởng nên H1 đồng ý ký tên vào một số giấy vay tiền của bà H3; H1 không biết về mục đích V lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người vay, H1 cũng không sử dụng số tiền trên. Sau khi biết được sự việc H1 đã tác động gia đình trả tiền cho người vay. Vì vậy, hành vi của H1 không đồng phạm với V nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

*** Tuyên bố:** Bị cáo Trần Nguyễn Tường V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Tường V 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 14/5/2023.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Tường V1 phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho bà Phạm Thị Ngọc L1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 100.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho bà Lê Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 350.000.000 đồng.

+ Bồi thường cho bà Vũ Thị H3, sinh năm 1964; địa chỉ: Buôn B, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông số tiền 1.150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 hợp đồng vay tiền đề ngày 15/11/2019 và ngày 19/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1 và Trần Nguyễn Tường V; 01 văn bản xác nhận, thỏa thuận và cam kết đề ngày 29/02/2020 giữa Phạm Thị Ngọc L1, Lê Song P, Nguyễn Thị Kim C, Huỳnh Như H1 do bà Phạm Thị Ngọc L1 giao nộp ngày 21/6/2021; 01 mẫu giấy kẻ ô có nội dung thể hiện việc vay mượn tiền do bà Lê Thị H2 giao nộp ngày 24/6/2021; 10 giấy vay tiền (09 bản chính, 01 bản viết giấy than); 03 giấy mượn tiền; 09 giấy mượn tiền (loại giấy kẻ ngang) do bà Vũ Thị H3 giao nộp ngày 25/01/2022.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Nguyễn Tường V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 60.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- Sở tư pháp;
- Cục THADS tỉnh ĐắkLắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh ĐắkLắk;
- Bị cáo;
- .....;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang